

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm Nhân dân: ông Nguyễn Văn Bảy và ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Duyên là Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Đông Triều tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Đông Triều tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị Y sinh năm 1994, nơi thường trú thôn T, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Trịnh Văn H sinh năm 1990, nơi thường trú thôn T, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Y trình bày có nội dung:

- Về tình trạng hôn nhân: chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 25/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H hay ghen tuông vô cớ, anh H hay uống rượu về đánh đập chị Y và không có trách nhiệm gì với gia đình. Chị Y và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Trịnh Văn H.

- *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân chị Bùi Thị Y với anh Trịnh Văn H có hai con chung Trịnh Thanh T sinh ngày 10/01/2014, Trịnh Văn M sinh ngày 20/12/2016, quan điểm của chị Y về việc nuôi con chung như sau: kể từ năm 2022 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay chị Y và hai con chung về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị Y tại thôn Y, xã H, thành phố Đ, anh H không có trách nhiệm gì với con cái, chị Y hiện nay đang làm công nhân tại Công ty S tại thành phố U, chị Y có chỗ ở ổn định và có đủ khả năng lo cho hai con. Do vậy khi ly hôn chị Y nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: chị Bùi Thị Y với anh Trịnh Văn H không có tài sản chung, không có nợ chung, nên nay ly hôn chị Y không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Ngoài các yêu cầu trên, chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Văn H không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M đều thể hiện nội dung cháu T, cháu M cùng có nguyện vọng ở với chị Y khi bố mẹ ly hôn.

Xác minh tại nơi chị Y sinh sống hiện nay thôn Y, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Ông Bùi Văn T1 và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ và ở cùng nhà chị Y cung cấp nội dung từ tháng 4/2022 chị Y và hai cháu Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M về nhà ông bà sinh sống cho đến nay. Hiện anh H đang làm ăn trong khu vực chùa Y1 thành phố U nhưng chỉ dịp tết âm lịch anh H mới ra nhà tôi đón hai con của anh H đi chơi một vài ngày rồi lại trở hai cháu về trả chị Y, nay chị Y yêu cầu ly hôn anh H do chị Y quyết định, gia đình chúng tôi không có ý kiến gì.

Xác minh tại địa phương trưởng thôn T, xã H, thành phố Đ nơi chị Y, anh H sinh sống cho biết: chị Y, anh H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Đ năm 2013. Sau khi kết hôn chị Y, anh H về sinh sống tại thôn T, xã H đến năm 2022 chị Y cùng hai con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M về nhà ngoại ở thôn Y, xã H sinh sống đến nay. Anh H có nhà riêng ở thôn T, xã H, và vẫn có mặt tại địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn trở lên căng thẳng, nay chị Y có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã cơ bản đã thực hiện

quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa cơ bản tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về việc giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về ly hôn chị Bùi Thị Y được ly hôn với anh Trịnh Văn H; về con chung chị Y trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Đông Triều.

[1]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2024, giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Y sinh năm 1994, nơi thường trú thôn T, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh với bị đơn anh Trịnh Văn H sinh năm 1990, nơi thường trú thôn T, xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Y có mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nên Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* chị Bùi Thị Y và anh Trịnh Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2013 tại Ủy ban Nhân dân xã H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y và anh H chung sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh H hay ghen tuông vô cớ, đánh chửi chị Y, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị Y và anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay chị Y về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị Y có đơn xin ly hôn với anh H vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân như vậy. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y với anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: chị Y và anh H có hai con chung Trịnh Thanh T sinh ngày 10/01/2014, Trịnh Văn M sinh ngày 20/12/2016, hiện hai con chung đang ở cùng chị Y, quá trình sống ly thân đến nay anh H không quan tâm chăm sóc con cái, chị Y hiện nay đang làm công nhân tại Công ty S tại thành phố U, chị Y có chỗ ở ổn định và có đủ khả năng lo cho hai con. Việc chị Y có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y cụ thể: giao chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Văn M kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: chị Y xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: chị Bùi Thị Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Y.

Xử:

1. *Về ly hôn*: chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Trịnh Văn H.

2. *Về con chung*: giao chị Bùi Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Trịnh Thanh T sinh ngày 10/01/2014, Trịnh Văn M sinh ngày 20/12/2016 kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*:

Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003711 ngày 08/11/2024

của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị Y đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trịnh Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- UBND xã Hồng Thái Đông, thành phố Đông Triều (nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Mạnh Cường